

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2023
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Yên

Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1986 (có mặt)

HKTT: **Thôn X, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.**

Nơi ở hiện tại: **44/7 Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Tân T**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: **Thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 23/05/2023 cùng bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị **Vũ Thị H** trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh **Nguyễn Tân T** ngày 07/06/2011, đăng ký kết hôn tại **UBND xã C**. Trước khi kết hôn chị và anh **T** có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị làm việc tại Bình Dương. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì anh **T** về Bắc Giang ở và mỗi người ở một nơi. Vì lý do công việc nên chị vẫn ở lại Bình Dương làm việc. Hai vợ chồng ít ở cùng nhau nên tình cảm cũng dần phai nhạt. Từ năm 2019 đến nay khi nào có công việc chị chỉ về thăm con chốc lát rồi lại đi

làm không ở cùng anh **T**. Hai bên đã chấm dứt tình cảm và kinh tế không liên quan gì tới nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Nguyễn Vũ Hoàng M**, sinh ngày 12/12/2011, hiện con chung đang ở cùng anh **T**, ly hôn chị nguyện vọng được nuôi con chung của hai vợ chồng, nếu nguyện vọng của con chung muốn ở với anh **T** chị đồng ý. Trường hợp cháu muốn ở với chị thì chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang làm công nhân tại **công ty M1 Precision** khu công nghiệp **Việt Nam S lô A đại lộ Đ, xã B, thành phố T, tỉnh Bình Dương** thu nhập từ khoảng 14.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Chị đang thuê trọ gần công ty. Công việc của chị chỉ làm ca và có thời gian để đưa đón con đi học và chị có mẹ để chị ở cùng hỗ trợ chị về việc đưa đón con, chăm sóc con chị.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung với tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Vì hiện nay chị đang làm việc tại Bình Dương nên thời gian thu xếp để có mặt tại Tòa án là khó khăn nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa chị **H** vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

*Bị đơn là anh **Nguyễn Tân T** trình bày:* Về thời điểm kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như chị **H** trình bày anh xác nhận là đúng. Anh xác định trong quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn, sau khi cưới thì vợ chồng anh vào Bình Dương làm ăn. Đến năm 2014 anh và con về **C** ở trước, còn chị **H** thì ở lại làm ăn. Anh có khuyên bảo chị về Bắc Giang nhưng chị **H** không về. Anh và chị **H** đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị **H** làm đơn ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận con chung như chị **H** trình bày là đúng. Hiện nay con chung đang ở cùng với anh tại **thôn V, xã C**. Trường hợp chị **H** nhất quyết ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu **Nguyễn Vũ Hoàng M**, sinh ngày 12/12/2011, anh không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung với tài sản của vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự chị **H**, anh **T** chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Tân T**.

Về con chung: Giao anh **Nguyễn Tân T** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Nguyễn Vũ Hoàng M**, sinh ngày 12/12/2011.

Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị **H** có quyền thăm nom con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Vũ Thị H** kết hôn với anh **Nguyễn Tân T** ngày 07/06/2011 và đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang** theo giấy Chứng nhận kết hôn số 36. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận. Do đó xác định hôn nhân giữa chị **H** và anh **T** là hôn nhân hợp pháp. Cưới xong vợ chồng chị **H**, anh **T** vào tỉnh Bình Dương làm ăn. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2014 thì anh **T** và con về Bắc Giang ở, anh **T** có khuyên bảo chị **H** về nhưng chị **H** không về. Khi có công việc chị **H** vẫn về Bắc Giang nhưng vợ chồng không ở cùng nhau. Đến năm 2019 thì chị **H** và anh **T** ly thân. Chị **H** xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị **H** tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **H** được ly hôn với anh **T**. Tại phiên tòa anh **T** đồng ý ly hôn. HĐXX thấy: Việc chị **H** và anh **T** thỏa thuận tình ly hôn tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện. Nên căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Tân T**.

[2] *Về con chung*: Chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Tân T** có 01 con chung là **Nguyễn Vũ Hoàng M**, sinh ngày 12/12/2011. Hiện con chung đang ở cùng anh **T**. Trong quá trình giải quyết vụ án chị **H** và anh **T** đều đề nghị được nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị **H**, anh **T**, HĐXX thấy: Nguyện vọng nuôi con chung của chị **H**, anh **T** đều là yêu cầu chính đáng. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa nguyện vọng của cháu **M** sau khi ly hôn là được ở cùng với mẹ là chị **H**. Xét về điều kiện nuôi con chung của chị **H** và anh **T** đều có điều kiện đảm bảo để nuôi con chung, tuy nhiên, xét nguyện vọng của con chung là cháu **M** thì thấy cháu **M** nguyện vọng được ở với chị **H**, cháu muốn được ở với chị **H** vì cháu từ nhỏ phải xa mẹ nên khi bố mẹ ly hôn cháu tha thiết được ở với mẹ là chị **H**. HĐXX đã phân tích cho cháu **M** về việc thay đổi môi trường ở, môi trường học tập nhưng cháu **M** vẫn giữ quan điểm là muốn ở với chị **H**. Việc cháu **M** đưa ra ý kiến của mình là hoàn toàn tự nguyện và thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của cháu. Do đó để đảm bảo cho việc phát triển bình thường, tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của con chung sau ly hôn HĐXX thấy cần thiết giao chị **Vũ Thị H** trực tiếp nuôi con chung là cháu **Nguyễn Vũ Hoàng M** là có căn cứ theo Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Sau ly hôn anh **T** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung

không ai được cản trở anh **T** thực hiện quyền này của mình.

[3] *Về tài sản chung*: Chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Tân T** không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị **Vũ Thị H**, anh **Nguyễn Tân T** được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Tân T**

2. *Con chung*: Giao chị **Vũ Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Nguyễn Vũ Hoàng M**, sinh ngày 12/12/2011. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau ly hôn anh **Nguyễn Tân T** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở anh **T** thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị **H** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0014591 ngày 25/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Cương sơn, huyện Lục Nam;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định

